



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00976/2026/PKQ (26.376.12A2603.140)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG  
Địa chỉ : Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng  
Loại mẫu : Khí thải  
Số lượng mẫu : 1  
Thời gian lấy mẫu : 19/03/2026  
Thời gian thử nghiệm : 19/03/2026 - 13/04/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				12A2603.140	Cột B
1.	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	QT.HT.KT50	<2,0	1.000
2.	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	QT.HT.KT50	<5,0	500
3.	NH <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	JIS K 0099:2020	2,5	50
4.	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	17,7	200
5.	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	QT.HT.KT50	36,8	850

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- 12A2603.140: Mẫu khí thải lấy tại đầu ra sau HTXL Khí thải lò đốt dầu DO của Công ty

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2026

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ  
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

  
Huỳnh Đức Long

  
Nguyễn Thị Thanh Thảo

  
Nguyễn Tuấn Minh





## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00977/2026/PKQ (26.376.12A2603.141-143)

**Đơn vị yêu cầu thử nghiệm :** CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG  
**Địa chỉ :** Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng  
**Loại mẫu :** Không khí xung quanh và Môi trường lao động  
**Số lượng mẫu :** 3  
**Thời gian lấy mẫu :** 19/03/2026  
**Thời gian thử nghiệm :** 19/03/2026 - 13/04/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 05:2023/BTNMT
				12A2603.141	12A2603.142	12A2603.143	Trung bình 1 giờ
1.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	79,2	75,6	70,3	70 <sup>(1)</sup>
2.	SO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	MASA 704A	54,2	60,0	57,9	350
3.	CO	µg/Nm <sup>3</sup>	QT.PTN.KK09	3.957	4.217	4.109	30.000
4.	NO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	MASA 406	19,7	7,7	43,3	200
5.	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	113	120	127	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT : 120 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn Quốc gia về Tiếng ồn
- 12A2603.141: Mẫu khí lấy tại khu vực Lacta 1
- 12A2603.142: Mẫu khí lấy tại khu vực Lacta 2
- 12A2603.143: Mẫu khí lấy tại khu vực đóng gói

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2026

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ  
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Nguyễn Tuấn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00979/2026/PKQ (26.376.12W2603.281-282)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG  
Địa chỉ : Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng  
Loại mẫu : Nước dưới đất  
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất  
Số lượng mẫu : 2  
Thời gian lấy mẫu : 19/03/2026  
Thời gian thử nghiệm : 19/03/2026 - 13/04/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 09:2023/BTNMT
				12W2603. 281	12W2603. 282	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0	5,7	5,8 ÷ 8,5
2.	Chỉ số Pemanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	0,7	0,7	4
3.	Độ cứng tổng số	mg/L	SMEWW 2340C:2023	94,0	94,0	500
4.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179- 1:1996	<0,01	<0,01	1
5.	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	<0,01	<0,01	1
6.	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	1,8	<0,01	15
7.	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	mg/L	TCVN 6194:1996	35	33	250
8.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,001	<0,001	0,05
9.	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111 B:2023	16,8	1,58	5
10.	Coliform	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 6187- 1:2019	<1	<1	3
11.	E.coli	Vi khuẩn/ 100 mL	TCVN 6187- 1:2019	<1	<1	Không phát hiện
12.	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/L	QT-HT.N02	146	152	1.500

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG  
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa – Phường Ngũ Hành Sơn - Thành phố Đà Nẵng  
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.istee.vn>; <http://www.danetc.vn>

Ghi chú:

- **QCVN 09:2023/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- **12W2603.281**: Mẫu nước ngầm lấy tại giếng 2
- **12W2603.282**: Mẫu nước ngầm lấy tại giếng 3

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2026

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ  
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Nguyễn Tuấn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00980/2026/PKQ (26.376.12W2603.283)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG  
Địa chỉ : Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng  
Loại mẫu : Nước thải  
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất  
Số lượng mẫu : 1  
Thời gian lấy mẫu : 19/03/2026  
Thời gian thử nghiệm : 19/03/2026 - 13/04/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				12W2603.283	Cột A
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	6 ÷ 9
2.	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	TCVN 6001-1:2008	21	30
3.	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	36	75
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	6,0	50
5.	Tổng nitơ (TN)	mg/L	TCVN 6624-2:2000	11,4	20
6.	Tổng phốt pho	mg/L	TCVN 6202:2008	2,70	4
7.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<0,3	5
8.	Coliform	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2023	1,7x10 <sup>3</sup>	3.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- 12W2603.283: Mẫu nước thải đầu ra tại HTXL nước thải

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2026

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ  
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Nguyễn Tuấn Minh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.